TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/HNGĐ-ST
Ngày 27-09-2017
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm.
2. Ông Hoàng Viết Thống.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều My, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.***

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2017/TLST-HNGĐ ngày 27-6-2017 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 150/2017/QĐXX-ST ngày 21-8-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121 ngày 07-9-2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Bà Phan Thị Quỳnh L, sinh năm 1967, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**** Bị đơn:*** Ông Quang Xuân H, sinh năm 1965, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, bà L trình bày:***

****Về hôn nhân:***

Bà L và ông H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994 trên cơ sở yêu thương tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Đắk Lắk (giấy CNKH bị thất lạc). Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau. Ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa nên bà đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

**** Về con chung:*** Ông bà có 03 con chung là:

1. Quang Tấn M, sinh năm 1985;
2. Quang Thị Diễm M, sinh năm 1988;
3. Quang Thị Diễm T, sinh năm 1994;

Các cháu đều đã trưởng thành nên các cháu có quyền tự quyết định cuốc sống của mình.

**** Về tài sản:*** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Mặc dù, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi ý kiến của họ được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]**** Về tố tụng:***

- Đây là vụ án: "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Bị đơn (ông H), đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tống đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ, theo thủ tục quy định chung.

[2]**** Về nội dung tranh chấp:***

[2.1]**** Về hôn nhân:***

Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H, đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên ông bà đã tự ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung

không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà L cần được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]***** ***Về con chung:***

Ông bà có 03 người con chung là:

1. Quang Tấn M - Sinh năm 1985.
2. Quang Thị Diễm M - Sinh năm 1988.
3. Quang Thị Diễm T - Sinh năm 1994.

Các cháu đều đã trên 18 tuổi nên các cháu có quyền tự quyết định cuộc sống của mình.

[2.3]***** ***Về tài sản:*** Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4]***** ***Về án phí:***

Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà L, phải chịu án phí HNGĐST là 300.000đ.

- Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.
- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà L.***

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân:

Xử cho bà L được ly hôn ông H.

2.Về con chung:

Các cháu: Quang Tấn M, Quang Thị Diễm M, Quang Thị Diễm T, đều đã trên 18 tuổi nên các cháu có quyền tự quyết định cuộc sống của mình.

3.Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

4.Về án phí: Bà L phải chịu án phí HNGĐST là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2016/0000670 ngày 21-6-2017 của Thi hành án dân sự Thành phố B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị An

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Đ;
-VKSND TP.B;
-CCTHA DS TP.B;
-Lưu H.sơ.